CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Hưng Yên, tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 16

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Công Đức	Phó Giám đốc, điều hành Công ty từ ngày 22/11/2019 (*)
Ông Trương Quốc Trân	Giám đốc, từ ngày 01/11/2019 ông Trương Quốc Trân được điều động và bổ nhiệm đảm nhận vị trí công tác khác (**)
Ông Vũ Đức Minh	Phó Giám đốc

(*) Theo Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Ông Trần Công Đức được giao trách nhiệm nhận bàn giao và điều hành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên từ Ông Trương Quốc Trân do Ông Trương Quốc Trân chuyển công tác.

(**) Theo Quyết định số 1888/QĐ-TU ngày 01/11/2019 của Thành ủy Hưng Yên, Ông Trương Quốc Trân được điều động và bổ nhiệm chức vụ công tác tại đơn vị khác kể từ ngày 01/11/2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0900166551-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN TP. HƯNG YÊN-T. HƯNG YÊN

Trần Công Đức
Phó Giám đốc
Hưng Yên, ngày 08 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Chi nhánh Hải Phòng: Tầng 4 số 19 Điện Biên Phủ,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Tel : (84-225) 3534 655 ; Fax : (84-225) 3534 316
Email: vacohp@vaco.com.vn

SỐ: 044/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do không được mời tham dự kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2019 nên chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt Công ty tại ngày 31/12/2019 với giá trị là 5.545.869.743 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác nhận số dư liên quan đến tiền mặt và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán. Nếu thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành thì khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên với giá trị khoảng 4 tỷ đồng và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 4 tỷ đồng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2019, cụ thể là khoản phải thu của Phòng Quản lý đô thị - thành phố Hưng Yên (phát sinh trong năm 2017 và đến ngày 31/12/2019 chưa thanh toán) với trị giá khoảng 5,8 tỷ đồng Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không xác định được mức độ hợp lý của các số dư này, theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC trong năm 2019 là 1.514.754.500 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 1.514.754.500 đồng.

Đối với nhóm tài sản nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2019 là 92.502.043.709 VND, Công ty thực hiện trích khấu hao theo mức thấp hơn mức quy định hiện hành. Theo ý kiến giải trình của Ban lãnh đạo công ty, Công ty thực hiện Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ngày 17/01/2017 về việc bàn giao nguồn vốn, tài sản, nhân sự bộ phận thoát nước từ công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên sang công ty Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên. Theo Biên bản bàn giao số liệu và sổ sách kế toán giữa hai bên, Công ty được tiếp nhận danh mục bao gồm nguyên giá và hao mòn lũy kế theo sổ sách kế toán của 104 hạng mục công trình thoát nước đô thị. Trước khi bàn giao, nhóm tài sản này được công ty Khai thác công trình Thủy lợi và thoát nước thành phố Hưng Yên trích khấu hao theo mức thấp và xác định là chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, theo Hợp đồng hàng năm ký giữa Công ty và Phòng Quản lý Đô thị - Thành phố Hưng Yên, giá trị các dịch vụ công ích chỉ được ký duyệt ở mức thấp (45-50% so với đơn giá định mức quy định) nên dự toán dịch vụ công ích của Công ty được phê duyệt cho công tác duy trì, nạo vét hệ thống thoát nước bị cắt giảm đơn giá nhân công, cắt bỏ lợi nhuận định mức; số tiền được duyệt chỉ đảm bảo cho chi phí trực tiếp. Vì vậy, Công ty đã áp dụng mức khấu hao thấp đối với nhóm 104 tài sản trên để đảm bảo chi phí trích khấu hao tài sản phù hợp với nguồn được ký duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1117-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG
Ngày 08 tháng 03 năm 2020
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Đinh Bá Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
4382-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**36.401.720.196**	**31.692.848.153**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**14.640.866.697**	**14.776.275.477**
1. Tiền	111	5	14.640.866.697	14.776.275.477
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**21.368.526.356**	**16.272.211.612**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		13.880.756.723	8.441.790.686
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.102.646	22.700.804
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	7.469.666.987	7.807.720.122
III. Hàng tồn kho	**140**	7	**52.919.625**	**61.825.405**
1. Hàng tồn kho	141		52.919.625	61.825.405
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**339.407.518**	**582.535.659**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		338.744.218	581.872.359
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		663.300	663.300
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**206.173.534.486**	**199.269.444.731**
I. Tài sản cố định	**220**		**168.556.998.873**	**161.565.099.466**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	168.526.998.873	161.565.099.466
- Nguyên giá	*222*		*492.407.236.944*	*466.442.459.796*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(323.880.238.071)*	*(304.877.360.330)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		30.000.000	-
- Nguyên giá	*228*		*30.000.000*	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**36.958.312.088**	**36.898.175.018**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	36.958.312.088	36.898.175.018
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**658.223.525**	**806.170.247**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		658.223.525	806.170.247
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**242.575.254.682**	**230.962.292.884**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**11.896.185.004**	**17.962.951.917**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**11.896.185.004**	**17.962.951.917**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.027.605.366	16.055.416.882
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		977.764.000	1.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		431.917.745	510.284.373
4. Phải trả người lao động	314		1.100.310.600	1.220.430.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.247.344.854	81.477.223
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		111.242.439	95.342.439
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**230.679.069.678**	**212.999.340.967**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**10**	**156.445.379.090**	**148.886.128.257**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.875.775.894	116.395.963.313
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.341.642	92.341.642
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.537.001	34.583.510
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*34.583.510*	-
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*89.953.491*	*34.583.510*
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		36.352.724.553	32.363.239.792
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**74.233.690.588**	**64.113.212.710**
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		74.233.690.588	64.113.212.710
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**242.575.254.682**	**230.962.292.884**

M.S.D.N: 0900166551-C.T.T.N
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
TP HƯNG YÊN-T.HƯNG YÊN

Trần Công Đức
Phó Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**65.844.759.382**	**65.092.085.551**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	**10**		**65.844.759.382**	**65.092.085.551**
3. Giá vốn hàng bán	11		61.544.394.877	55.439.920.478
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**4.300.364.505**	**9.652.165.073**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	23.228.835	32.120.955
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13	10.337.942.464	9.724.652.574
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (26)}	**30**		**(6.014.349.124)**	**(40.366.546)**
8. Thu nhập khác	31	14	6.204.726.891	204.798.500
9. Chi phí khác	32		62.348.723	95.822.712
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**6.142.378.168**	**108.975.788**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**128.029.044**	**68.609.242**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	38.075.553	34.025.732
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**89.953.491**	**34.583.510**

M.S.D.N: 0900166551 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
TP. HƯNG YÊN - T. HƯNG YÊN

Trần Công Đức
Phó Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	60.405.793.345	59.182.172.119
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(7.219.737.249)	(16.314.601.959)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.461.657.999)	(28.228.159.543)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(34.025.732)	(27.152.814)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.204.726.891	15.602.887.020
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(62.348.723)	(10.592.690.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***25.832.750.533***	***19.622.454.118***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.991.388.148)	(15.274.297.575)
2.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.228.835	32.120.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(25.968.159.313)***	***(15.242.176.620)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**	**(135.408.780)**	**4.380.277.498**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	14.776.275.477	10.395.997.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	**70**	**14.640.866.697**	**14.776.275.477**

Trần Công Đức
Phó Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên tiền thân là Công ty Thị chính Hưng Yên được thành lập theo Quyết định số 1407/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 của UBND tỉnh Hưng Yên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo Quyết định số 512/QĐ – UBND ngày 04 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên số 0900166551 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2012. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/04/2015.

Theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng yên, Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên chịu trách nhiệm tiếp nhận và tổng hợp số liệu của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi và thoát nước Thành phố Hưng Yên từ ngày 01/07/2016.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 363 người (tại ngày 01/01/2019 là 375 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Các dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan bao gồm quản lý và làm vệ sinh môi trường; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh;
- Sửa chữa thiết bị điện bao gồm quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa bao gồm kinh doanh nuôi trồng thuỷ sản tại các hồ nước trong công viên địa bàn thành phố Hưng Yên;
- Các hoạt động của trụ sở văn phòng bao gồm Quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước và thu tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước nộp Ngân sách nhà nước theo quy định;
- Hoàn thiện công trình xây dựng bao gồm sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ bao gồm quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ việc tang lễ và cát táng; quản lý, làm vệ sinh môi trường; quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên;
- Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Tiêu thoát nước nội thị

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, từ năm 2014, doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" của Công ty chuyển từ diện doanh thu không chịu thuế sang doanh thu chịu thuế GTGT với thuế suất 10%. Tuy nhiên, theo Biên bản quyết toán ký giữa Công ty và Phòng quản lý đô thị Thành phố Hưng Yên hàng năm, Phòng quản lý đô thị Thành phố Hưng Yên không được cấp kinh phí tương ứng với số thuế GTGT 10%, do đó Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên không phát hành hóa đơn GTGT 10% và không ghi nhận số thuế GTGT phải nộp tương ứng. Năm 2019, doanh thu dịch vụ vệ sinh công cộng là 15.147.545.000 đồng và 10% thuế GTGT tương ứng (nếu có) là 1.514.754.500 đồng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	5.545.869.743	4.568.359.562
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.094.996.954	10.207.915.915
Cộng	**14.640.866.697**	**14.776.275.477**

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	***7.469.666.987***	***7.807.720.122***
Số dư tạm ứng	6.721.050.000	6.869.550.000
Dư Nợ TK 3388 - phải thu về các chi phí phục vụ cổ phần hóa và các chi phí khác	650.925.387	537.835.387
Số dư nhận ký quỹ	97.691.600	
Các khoản phải thu khác	-	400.334.735
b) Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	**7.469.666.987**	**7.807.720.122**

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	52.919.625	61.825.405
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**52.919.625**	**61.825.405**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**52.919.625**	**61.825.405**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn hoa, cây xanh	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	**307.224.961.615**	**79.039.358.300**	**25.845.605.589**	**419.880.500**	**20.600.277.825**	**33.312.375.967**	**466.442.459.796**
Mua trong năm	3.452.260.000	18.302.576.148	-	34.441.000	4.202.111.000	-	25.991.388.148
Giảm khác	(211.000)	-	-	-	-	(26.400.000)	(26.611.000)
Số dư cuối năm	**310.677.010.615**	**97.341.934.448**	**25.845.605.589**	**454.321.500**	**24.802.388.825**	**33.285.975.967**	**492.407.236.944**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	**210.685.169.352**	**55.579.590.617**	**17.375.226.867**	**297.965.953**	**18.426.457.680**	**2.512.949.861**	**304.877.360.330**
Khấu hao trong năm	8.369.541.750	6.788.040.875	1.766.742.558	44.826.886	956.458.427	1.079.417.317	19.005.027.813
Giảm khác	(2.150.072)	-	-	-	-	-	(2.150.072)
Số dư cuối năm	**219.052.561.030**	**62.367.631.492**	**19.141.969.425**	**342.792.839**	**19.382.916.107**	**3.592.367.178**	**323.880.238.071**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	**96.539.792.263**	**23.459.767.683**	**8.470.378.722**	**121.914.547**	**2.173.820.145**	**30.799.426.106**	**161.565.099.466**
Số dư cuối năm	**91.624.449.585**	**34.974.302.956**	**6.703.636.164**	**111.528.661**	**5.419.472.718**	**29.693.608.789**	**168.526.998.873**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng, nâng cấp kênh tiêu Chợ Gạo	34.373.122.088	34.373.122.088
Điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết hệ thống thoát nước thành phố Hưng Yên	1.159.896.000	1.159.896.000
Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước khi dân cư mới phường Hiến Nam, TP Hưng Yên	691.080.000	691.080.000
Cải tạo hệ thống thoát nước khi dân cư xóm bãi, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên	417.526.000	417.526.000
Công trình khác	316.688.000	256.550.930
Cộng	**36.958.312.088**	**36.898.175.018**

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	**116.395.963.313**	**32.363.239.792**	**92.341.642**	**34.583.510**	**148.886.128.257**
Nhận cấp nguồn XDCB (*)	-	30.679.659.348	-	-	30.679.659.348
Kết chuyển nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (*)	-	(26.690.174.587)	-	-	(26.690.174.587)
Tăng vốn khác (**)	3.479.812.581	-	-	-	3.479.812.581
Lợi nhuận trong năm	-	-		89.953.491	89.953.491
Số dư cuối năm nay	**119.875.775.894**	**36.352.724.553**	**92.341.642**	**124.537.001**	**156.445.379.090**

(*) Trong năm 2019, biến động tăng/(giảm) nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

+ Nguồn vốn tăng do được cấp kinh phí là 30.679.659.348 đồng (trong đó có 6.527.491.200 đồng là nguồn ngân sách cấp cho hạng mục đầu tư XDCB của Công ty Thoát nước chuyển sang nhưng chưa được kết chuyển nguồn trong năm do công trình chưa hoàn thành);

+ Nguồn vốn giảm 26.690.174.587 đồng do kết chuyển nguồn các tài sản đã hoàn thành bàn giao (trong đó có 2.538.006.439 đồng do điều chỉnh nguồn của Công trình cải tạo nghĩa trang.

(**) Vốn chủ sở hữu tăng trong năm do điều chỉnh việc ghi nhận bổ sung nguồn vốn của khu xử lý chất thải rắn đã được cấp nguồn năm 2018.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay
	VND
Chi phí nhân viên	39.306.749.593
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.658.509.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.767.368.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.949.028
Chi phí khác	2.832.760.990
Cộng	**71.882.337.341**

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.228.835	32.120.955
Cộng	**23.228.835**	**32.120.955**

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.381.662.972	5.235.355.842
Chi phí nhiên liệu, vật liệu quản lý	151.520.760	157.451.340
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	429.953.876	1.306.928.267
Chi phí khấu hao TSCĐ	58.730.122	88.352.474
Thuế, phí và lệ phí	123.031.606	112.344.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.949.028	484.940.653
Các khoản chi phí QLDN khác	1.876.094.100	2.339.279.530
Cộng	**10.337.942.464**	**9.724.652.574**

14. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Nhận tiền hỗ trợ các hoạt động	6.204.726.891	204.798.500
Cộng	**6.204.726.891**	**204.798.500**

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	**128.029.044**	**68.609.242**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**62.348.723**	**101.519.416**
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	62.348.723	101.519.416
Thu nhập chịu thuế	**190.377.767**	**170.128.658**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**38.075.553**	**34.025.732**

16. THÔNG TIN VỀ TIẾN ĐỘ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong năm 2019, tiến độ cổ phần hóa thực hiện như sau:

- Ngày 11/5/2019, Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

- Ngày 04/09/2019, UBND tỉnh Hưng Yên có Quyết định 1968/QĐ-UBND về việc Điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu của công ty.

- Ngày 31/10/2019, công ty có các Tờ trình: số 80/TTr-CT về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước và tham gia quản lý doanh nghiệp; số 81/TTr-CT về việc cử người tham gia quản lý doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần.

- Ngày 29/01/2020 ban cán sự Đảng UBND tỉnh Hưng Yên có Nghị quyết số 20-NQ/BCSD về Phương án nhân sự khi chuyển công ty TNHH MTV Môi trường và CTĐT Hưng Yên thành công ty cổ phần.

- Ngày 06/02/2020, UBND tỉnh Hưng Yên có Quyết định số 262/QĐ-UBND về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên.

- Ngày 05/03/2019, công ty đã tiến hành đại hội cổ đông thành lập bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông qua Điều lệ, Kế hoạch sản xuất 5 năm sau Cổ phần hóa. Đến nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần.

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

M.S.D.N: 0900166551 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN TP. HƯNG YÊN - T. HƯNG YÊN

Trần Công Đức
Phó Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng